

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2018.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 284/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị Th – sinh năm 1987, có mặt.

Nơi cư trú: ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn S – sinh năm 1982, vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Thị Th như sau: Bà kết hôn với ông Dương Văn S vào năm 2009, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, ngày 12/8/2009.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng bà sống rất hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S thường hay nhậu nhẹt, cờ bạc, không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng ý kiến nên thường hay cự cãi. Đến ngày 07/6/2016 thì bà nộp đơn xin ly hôn với ông S, lúc đó ông S có hứa sẽ thay đổi nên bà rút đơn kiện. Sau khi rút đơn kiện ông S vẫn không chịu thay đổi nên ngày 30/4/2017 bà dẫn hai người con chung bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và đến ngày 16/10/2017 bà tiếp tục nộp đơn xin ly hôn và từ đó vợ chồng bà sống ly thân với nhau cho đến nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân với nhau bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn S.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 02 đứa con chung với nhau tên Dương Đăng Kh – sinh ngày 18/6/2010 và Dương Đăng H – sinh ngày 15/4/2012 hiện bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Dương Văn S.

Về con chung: Bà xin nuôi hết hai người con chung là Dương Đăng Kh – sinh ngày 18/6/2010 và Dương Đăng H – sinh ngày 15/4/2012, bà không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Văn S có bản tự khai đề ngày 19/01/2018 với nội dung như sau: Ông và bà Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao. Vợ chồng sống chung có 02 đứa con Dương Đăng Kh và Dương Đăng H. Vợ chồng ông có cự cãi rồi bà Th bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 3/2017, từ đó cho đến nay vợ chồng ông sống ly thân. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên vọng: Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Thị Th.

Về con chung: Ông đồng ý giao hết 02 con chung Dương Đăng Kh và Dương Đăng H cho bà Th nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông S không đến Tòa án nên Tòa án không thể hòa giải động viên cho ông đoàn tụ.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn S và bà yêu cầu được nuôi 02 người con chung là Dương Đăng Kh – sinh ngày 18/6/2010 và Dương Đăng H – sinh ngày 15/4/2012 và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của bà Thị Th và ông Dương Văn S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Dương Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông S không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Dương Văn S.

[2]. Về hôn nhân: Bà Thị Th và ông Dương Văn S kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157 quyển I, ngày 12/8/2009, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Th và ông S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Th và ông S là hôn nhân do mai mối nên ông bà chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau, nên khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp, bà Th cho rằng vợ chồng bà thường bất đồng ý kiến do chồng bà không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho vợ con lại còn hay nhậu nhẹt, cờ bạc bà đã nộp đơn xin ly hôn ông

S vào năm 2016 nhưng thấy hai đứa con còn quá nhỏ nên bà rút đơn kiện ly hôn và cho ông S cơ hội sửa đổi nhưng ông S vẫn không chịu thay đổi, đến tháng 10/2017 bà tiếp tục kiện ly hôn và từ đó vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay, phía ông S không có liên lạc gì với bà. Ngày 20/12/2017 và ngày 18/5/2018 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông S không có mặt tại Tòa án còn bà Th thì cương quyết xin ly hôn với ông S. Xét thấy bản tự khai của ông S có ý kiến đồng ý ly hôn với bà Th vì vậy áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Th và ông S.

[4]. Về con chung: Bà Th và ông S có 02 người con chung tên Dương Đăng Kh – sinh ngày 18/6/2010 và Dương Đăng H – sinh ngày 15/4/2012 hiện hai cháu Đăng Kh và Đăng H đang sống chung với bà Th. Bà Th xin được nuôi hết hai đứa con, ông S cũng đồng ý giao hết hai đứa con chung cho bà Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Mặt khác cháu Đăng Kh có bản tự khai với nguyện vọng xin được sống chung với bà Th nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận về con chung của bà Th và ông S về việc giao hai cháu Dương Đăng Kh – sinh ngày 18/6/2010 và Dương Đăng H – sinh ngày 15/4/2012 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu Dương Đăng Kh và Dương Đăng H trưởng thành.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông S đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Thị Th phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000107, ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị Th.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thị Th và ông Dương Văn S.

Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của bà Th và ông S về việc giao hai người con chung Dương Đăng Kh – sinh ngày 18/6/2010 và Dương Đăng H – sinh ngày 15/4/2012 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi Dương Đăng Kh và Dương Đăng H trưởng thành.

Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thị Th phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000107, ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang